

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (UPCOM: VLC)

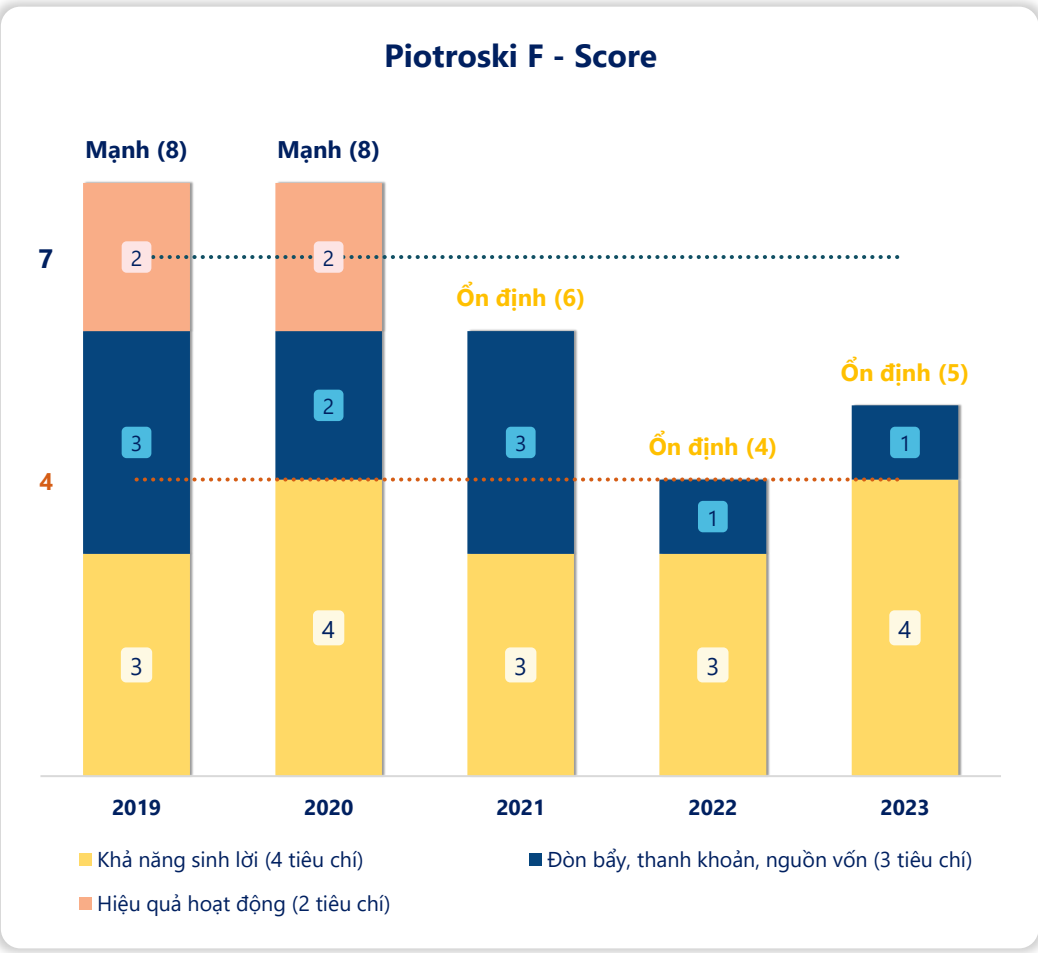
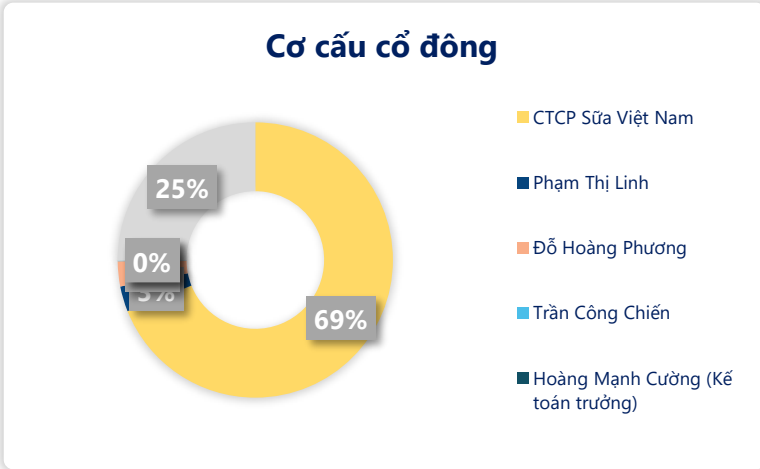
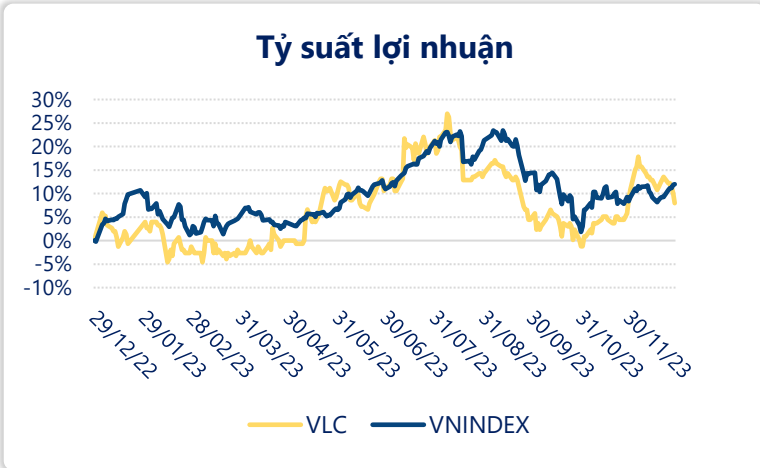
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	15,300 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.1%	5.5%	-2.3%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
3,152	YoY
tỷ VNĐ	▲ 12.0
	▲ 0.4%

LN sau thuế	2023
289	YoY
tỷ VNĐ	▲ 51.0
	▲ 21.7%

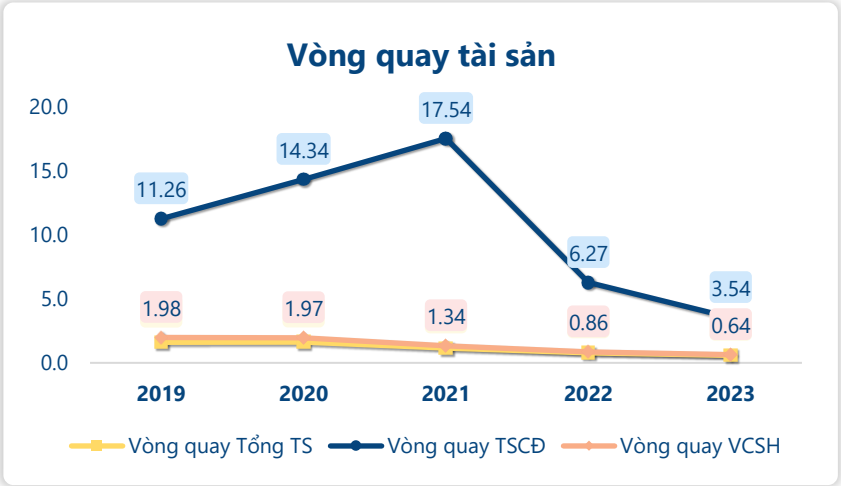
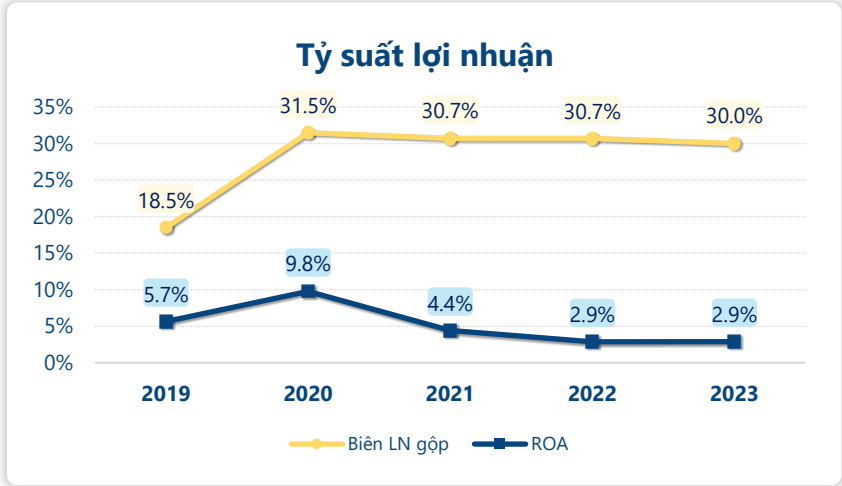
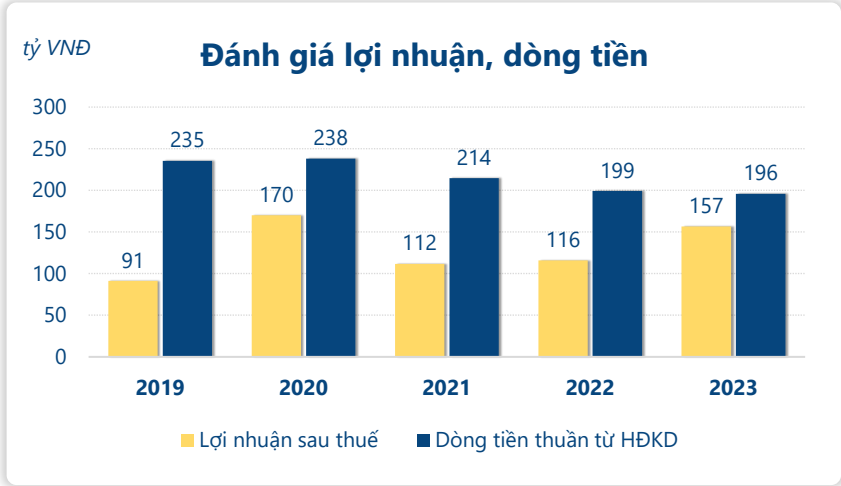


Năm **2023**, F-Score của **VLC** đạt **5/9** cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "**Ổn định**".

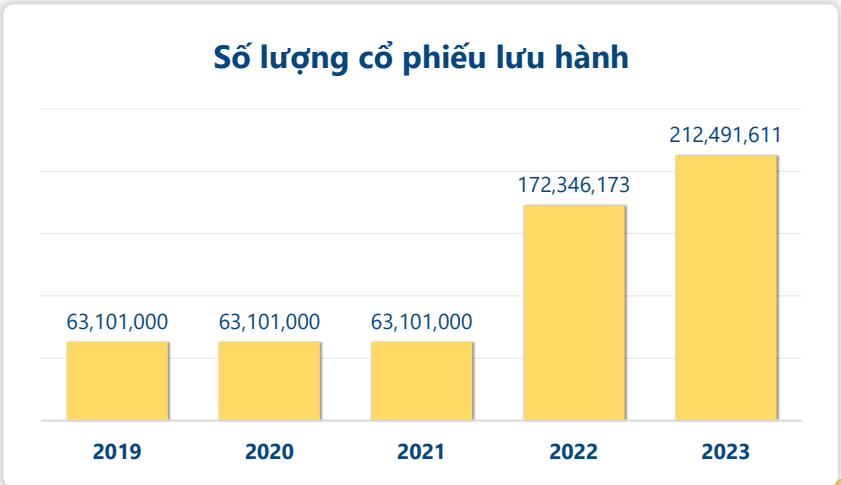
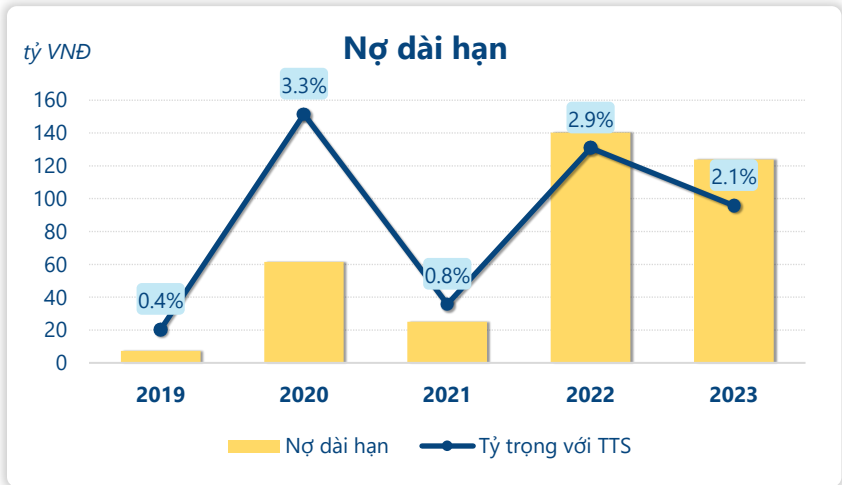
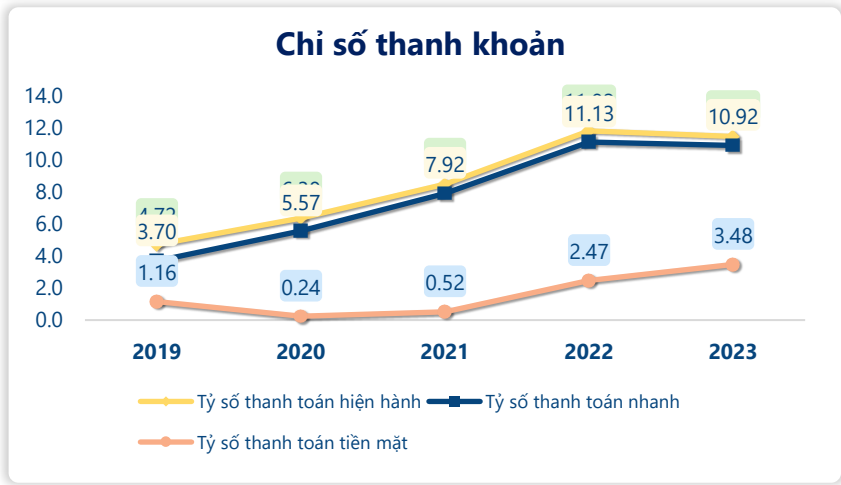
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 4/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **1/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (UPCOM: VLC)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **VLC**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	5,915	4,898	20.7%
Tài sản ngắn hạn	4,396	3,562	23.4%
Tiền và tương đương tiền	1,334	744	79.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,212	2,111	4.8%
Phải thu ngắn hạn	566	455	24.3%
Hàng tồn kho	210	210	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	74.3	41.8	77.6%
Tài sản dài hạn	1,519	1,337	13.6%
Phải thu dài hạn	0.31	0.29	7.2%
Tài sản cố định	941	841	11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	240	107	124%
Đầu tư tài chính dài hạn	181	194	-6.9%
Tài sản dài hạn khác	18.8	9.95	89.0%
Lợi thế thương mại	138	184	-25.0%
Nợ phải trả	507	441	14.9%
Nợ ngắn hạn	383	301	27.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	153	107	43.7%
Nợ dài hạn	124	140	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,407	4,457	21.3%
Vốn chủ sở hữu	5,407	4,457	21.3%
Vốn điều lệ	2,125	1,723	23.3%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,595	2,826	2,928	3,140	3,152
Giá vốn hàng bán	2,115	1,936	2,029	2,177	2,206
Lợi nhuận gộp	481	890	900	964	946
Doanh thu HĐTC	68.5	86.7	125	158	266
Chi phí TC	-3.07	3.32	6.83	5.51	0.95
Chi phí lãi vay	0.79	0	0.16	0.64	0
LN trong công ty LKLD	-0.11	-2.46	0.40	-3.27	-13.4
Chi phí bán hàng	322	597	595	698	726
Chi phí QLDN	39.2	39.0	52.2	127	143
LN thuần từ HĐKD	191	335	371	288	329
Lợi nhuận khác	-3.97	-8.90	-11.6	-30.3	-1.89
LN trước thuế	187	326	360	257	327
Lợi nhuận sau thuế	173	308	323	238	289
LNST của CĐ cty mẹ	91.1	170	112	116	157

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	235	238	214	199	196
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	147	-440	-1,191	321	-312
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-88.4	-70.6	1,091	45.7	707
Tiền đầu kỳ	40.1	334	61.4	178	744
Lưu chuyển tiền thuần	294	-272	115	566	590
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	334	61.4	176	744	1,334